

Bản án số: 10/2025/HC-PT

Ngày: 03/01/2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về
đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 804/2024/TLPT-HC ngày 07/10/2024, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3227/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: D M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; Địa chỉ: A L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 16/10/2023, có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ: D Đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ: D Đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh K; Chức vụ: Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Lê Quốc T, Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2023, vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H1, Chức vụ: Phó Phòng Tư pháp thành phố Phú Quốc (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn B là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Phạm Văn B và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn B1 có sử dụng diện tích 921m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc do ông B1 nhận chuyển nhượng của một số người dân tại địa phương. Sau khi nhận chuyển nhượng ông B1 xây dựng một căn nhà cấp 3 (dạng biệt thự), xây tường rào, trồng nhiều cây ăn trái, hoa cảnh và tạo lập nhiều tài sản khác trên đất.

Ngày 23/9/2022 Công chức Địa chính - Xây dựng xã D bắt ngờ đến lập biên bản làm việc liên quan đến nhà đất và tài sản của ông B1 đang sử dụng. Ngày 05/12/2022 tiếp tục lập biên bản đo đạc, xác định diện tích đất ông B1 đang sử dụng (đất bị chiếm).

Ngày 05/12/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng xã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính, xác định ông B1 có hành vi vi phạm hành chính “Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 921m² do Nhà nước quản lý”.

Ngày 19/7/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P ban hành Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông Ba P khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 921m² cho UBND thành phố P quản lý theo Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K.

Ngày 10/10/2023 Chủ tịch UBND thành phố P tiếp tục ban hành Quyết định số 5098/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Nội dung buộc ông Ba P khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm với diện tích là 921m² cho UBND thành phố P quản lý theo Quyết định số 904/QĐ-UBND. Đồng thời buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp số tiền 9.297.844 đồng.

Thời gian thực hiện là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

Ông Ba K1 đồng ý với nội dung của các quyết định và hành vi hành chính nêu trên, vì:

1. Gia đình ông B1 không có hành vi chiếm đất mà xác lập quyền sử dụng đất, xây dựng nhà ở trên trên đất do nhận chuyển nhượng đất từ người dân.

UBND thành phố P chưa xác minh rõ nguồn gốc đất mà lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B1.

Ông Ba K1 phải là người tự chiếm đất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP mà là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 921m² tại tiểu khu A, ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang thông qua việc ký kết Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa chúng ông B1 với người dân có đất. Ông B1 đã nhận bàn giao đất trên thực địa và đã hoàn tất xây dựng nhà ở, đưa vào sử dụng kiên cố (dạng nhà biệt thự sân vườn). Ông B1 và gia đình đã sinh sống ổn định trên đất.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, thửa đất không thuộc diện tích đất do Nhà nước quản lý mà là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm do người dân quản lý. Hiện trạng đã có đầy đủ hạ tầng hoàn thiện như hệ thống đường giao thông, điện lưới, cống thoát nước, internet, vỉa hè, cây xanh...

Trong quá trình sử dụng đất, xây dựng nhà ở và sinh sống thì các cơ quan chức năng tại địa phương không có ý kiến gì về việc này, nên ông B1 tin rằng đất đai đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng hợp pháp.

Trong khi đó, Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC ngày 05/12/2022 của Công chức địa chính - xây dựng xã và Quyết định số 5098/QĐ-CCXP ngày 10/10/2023 xác định ông B1 có hành vi vi phạm hành chính “Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 921m² do UBND thành phố P quản lý” là không đúng. Vì như đã trình bày, diện tích đất 921m² mà ông B1 đang sử dụng để cất nhà, trồng cây, xây hàng rào... là đất có nguồn gốc, qua nhiều thời kỳ sử dụng. Ông B1 nhận chuyển nhượng đất đai công khai, đã sử dụng đất ổn định, hợp pháp, nên không thể quy kết ông B1 có hành vi chiếm đất để xử lý.

Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K thu hồi diện tích đất 10.544.620,56m² đất của 331 hộ gia đình và của rất nhiều tổ chức đang quản lý, sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau. Việc xác định ông B1 có hành vi “chiếm diện tích 921m² đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn” là chưa đúng thực tế.

2. Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC ngày 05/12/2022 do Công chức Địa chính - Xây dựng xã D có nội dung xác định diện tích đất 921m² thuộc quyền quản lý của Nhà nước, nhưng không xác định rõ chủ thể quản lý. Việc lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có sự chứng kiến và ý kiến của người bị thiệt hại, thời điểm phát hiện hành vi vi phạm ngày 23/9/2022 nhưng đến ngày 05/12/2022 mới lập biên bản vi phạm hành chính là không kịp thời, không đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Trong quá trình lập hồ sơ xử lý, Chủ tịch UBND thành phố P ủy quyền cho Công chức Địa chính - Xây dựng xã D xác minh các tình tiết của vụ việc. Người được ủy quyền đã lập các biên bản xác minh với người cung cấp thông

tin là ông Huỳnh Viễn P1, đại diện của UBND xã D Việc xác định chủ thể được quyền quản lý đất chưa thống nhất nhưng Chủ tịch UBND thành phố P đã tiến hành xử lý vi phạm (nếu có) là không đúng. Hơn nữa, nếu UBND thành phố P là cơ quan đã được giao quản lý đất theo Quyết định số 904/QĐ-UBND thì không thể cho rằng không biết. Là cơ quan quản lý về đất đai tại địa phương, lại được giao quản lý trực tiếp bằng quyết định cụ thể, nhưng Chủ tịch UBND thành phố P nhiều lần phải ủy quyền cho công chức cấp xã xác minh là điều bất hợp lý.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ N thì Công chức Địa chính - Xây dựng xã không có nhiệm vụ đo đạc, xác định vị trí, diện tích đất phục vụ cho việc xử phạt vi phạm hành chính. Trong khi đó Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ và Quyết định số 5098/QĐ-CCXP căn cứ vào biên bản đo Công chức Địa chính - Xây dựng xã D để xử lý vi phạm hành chính là không phù hợp.

3. Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC ngày 05/12/2022 được lập tại vị trí đất bị vi phạm, có chữ ký và đóng dấu xác nhận của người đại diện chính quyền là UBND xã D, nhưng trong suốt quá trình lập biên bản vi phạm hành chính từ thời điểm 9 giờ 00 phút đến 9 giờ 30 phút ngày 05/12/2022 hoàn toàn không có người đại diện của chính quyền tham gia. Ông Huỳnh Viễn P1 là người đại diện của UBND xã D không có tên trong thành phần tham gia lập biên bản, nhưng ông P1 vẫn ký tên và được đóng dấu cơ quan chủ quản ở phần người đại diện chính quyền. Mặt khác, Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC có 02 tờ, 04 trang, 02 bản, được lập tại vị trí đất, nhưng chỉ được lập trong khoảng thời gian từ 9 giờ 00 phút đến 9 giờ 30 phút (tổng cộng 30 phút), hình thức đánh máy kết hợp viết tay, bản in. Thành phần tham gia lập biên bản không có ông Huỳnh Viễn P1, nhưng có ý kiến và chữ ký, ghi tên của ông P1 với tư cách là người đại diện chính quyền trong biên bản là thiếu khách quan, không trung thực.

Ông B1 cho rằng việc lập Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC là không khách quan, và sai quy định, ông Huỳnh Viễn P1 không tham gia nhưng vẫn ký tên xác nhận biên bản là gian dối. Điều này làm cho nội dung của các văn bản trên không có giá trị pháp lý.

Do không được lập đúng quy định, cho nên việc Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC để xử lý vi phạm là không phù hợp, và làm cho Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5098/QĐ-CCXP không có giá trị pháp lý.

4. Khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 5098/QĐ-CCXP quy định về biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện là: “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 921 m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho UBND thành phố P quản lý...quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019”.

Ông B1 cho rằng việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là không cụ thể, trái pháp luật. Vì theo quy định tại Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày

16/12/2021 của UBND tỉnh K thì phải xác định đúng tình trạng của đất trước khi vi phạm để làm căn cứ giải quyết vi phạm (nếu có). Tuy nhiên trong trường hợp này, Chủ tịch UBND thành phố P chưa xác định được tình trạng của đất trước khi vi phạm, nhưng đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, và ban hành quyết định cưỡng chế là không phù hợp, thiếu cơ sở thi hành. Minh chứng cho vấn đề này là đã có rất nhiều trường hợp người dân bị các cơ quan của thành phố P cưỡng chế bằng hình thức phá hủy toàn bộ tài sản là công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây trồng...trong khi quy định của UBND tỉnh K về xử lý những trường hợp vi phạm là phải tháo dỡ, di dời tài sản của người vi phạm.

Với các lý do nêu trên, ông B1 khẳng định rằng việc ban hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp này là hoàn toàn không phù hợp. Các quyết định hành chính nêu trên có nội dung làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B1.

Ông Phạm Văn B yêu cầu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ ngày 19/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Hủy Quyết định số 5098/QĐ-CCXP ngày 10/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại Văn bản số 462/UBND-NCPC ngày 15/3/2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

1. Nguồn gốc diện tích 921m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Phạm Văn B chiếm thuộc nhóm đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm (theo công văn số 557/UBND-NCPC ngày 30/6/2022, về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

Ngày 27/9/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã D lập Biên bản làm việc đối với ông Phạm Văn B. Ông Phạm Văn B trình bày nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Đào Văn Q năm 2019. (Tại thời điểm mua đất này cho đến nay là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc mua bán đất này không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

Ngày 05/12/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã D đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 921m² do ông Phạm Văn B chiếm là đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn.

Toàn bộ diện tích ông Phạm Văn B chiếm nằm trong Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P (nay là thành phố P) để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư B2 và Nam Bãi T1 tại xã D, thị trấn A, huyện P tỉnh Kiên Giang.

Từ đó, Công chức Địa chính - Xây dựng lập Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC ngày 05/12/2022 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 72/BB-XM ngày 29/5/2023 thể hiện ông Phạm Văn B thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 921m² đất do UBND thành phố P quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng theo quy định của pháp luật.

Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật.

Theo đó việc ông B tự ý sử dụng diện tích 921m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của UBND thành phố P mà không được UBND thành phố P cho phép là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Vì vậy, việc ban hành Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ ngày 19/7/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Văn B là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 28, Điều 29, Điều 65, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và điểm a, d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Qua theo dõi thi hành Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ ngày 19/7/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND thành phố P nhận thấy ông Phạm Văn B chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, theo Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ ngày 19/07/2023. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5098/QĐ-CCXP ngày 10/10/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật.

2. Đơn khởi kiện ông B trình bày diện tích đất 921m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P do ông nhận chuyển nhượng từ người dân, việc lập Biên bản vi phạm hành chính về hành vi chiếm đất và ra các quyết định cưỡng chế buộc ông trả lại đất cho UBND thành phố là chưa đúng, vấn đề này UBND thành phố P có ý kiến như sau: theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 xác định hành vi của ông B là hành vi chiếm đất là có căn cứ.

Ông B cho rằng việc lập hồ sơ xử phạt vi phạm thời hạn lập biên bản, UBND thành phố căn cứ quy định tại Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) “*mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật*” do ông B có hành vi chiếm đất như đã trình bày trên và đã gây ra hậu quả, theo quy định tại Điều 65, Điều

66 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) Chủ tịch UBND thành phố P ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định.

Ông B trình bày vấn đề ủy quyền, chủ thể quản lý đất; UBND thành phố có ý kiến như sau: quá trình xem xét ra quyết định Chủ tịch UBND thành phố căn cứ khoản 6 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) *“Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành biên bản xác minh. Biên bản xác minh là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt”* và Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) để xác minh làm rõ hành vi vi phạm của ông B là đúng thẩm quyền; đối với chủ thể quản lý đất tại Điều 2 Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 đã giao cho UBND thành phố P quản lý chặt chẽ diện tích đất.

Trong đơn ông B cho rằng *“Công chức Địa chính - Xây dựng xã không có nhiệm vụ đo đạc, xác định vị trí, diện tích đất phục vụ cho việc xử phạt vi phạm hành chính”* tuy nhiên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 quy định *“Trường hợp vi phạm toàn bộ diện tích thửa đất mà không có giấy tờ quy định tại các điểm a và b khoản này hoặc vi phạm một phần diện tích thửa đất thì người thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm xác định phạm vi, ranh giới đất vi phạm; xác định diện tích đất vi phạm”*.

Từ nội dung trên, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 25/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 85, 87, 88 của Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B:

- Không chấp nhận hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3877/QĐ-KPHQ ngày 19/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

- Không chấp nhận hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5098/QĐ-CCXP ngày 10/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2024, ông B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn Ba K1 thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông H:

- Về nguồn gốc đất: Phần đất mà ông B xây dựng nhà nguyên là đất của nông trường đưa giao khoán cho ông C, bà M; khi nông trường giải thể, không giải quyết chế độ nên hai ông bà này canh tác; sau đó ông C, bà M bán cho ông Lâm Hùng S; ông S bán cho ông Đào Văn Q và năm 2019 ông Q bán cho ông B.

- Biên bản vi phạm hành chính số 152 ngày 05/12/2022 là không hợp pháp, vì: không xác định được người vi phạm, không có đại diện chính quyền địa phương, không có mặt ông B; biên bản dài 04 trang giấy nhưng ghi từ 9 giờ đến 9 giờ 30 phút là không phù hợp; ông Huỳnh Viễn P1 là Phó Chủ tịch không tham gia, không có mặt nhưng có chữ ký và đóng dấu của UBND xã.

- Theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh K thì khi xử lý vi phạm thì phải xác định được tình trạng ban đầu của đất trước khi có hành vi vi phạm, nhưng quyết định hành chính bị kiện đã không xác định được tình trạng ban đầu của đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

2. Ông Hoàng:

Tại Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh K đã thu hồi 10.544.620,56m² đất của 331 hộ gia đình, tổ chức trong khu

vực, giao cho UBND huyện P dự án xây dựng Khu D và N, trong đó có diện tích 921m² mà ông B vi phạm.

Biên bản xác minh ngày 29/5/2023 đã thể hiện các hành vi vi phạm của ông B, do đó việc ông H cho rằng ông Ba K1 vi phạm là không đúng.

Tại thời điểm lập biên bản số 152 thì có mặt ông P1 - Phó Chủ tịch UBND xã, nhưng mẫu Biên bản sử dụng theo Nghị định số 1118 nên mặt trước không ghi tên ông P1.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông B làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Diện tích đất mà ông B xây dựng nhà ở nằm hoàn toàn trong diện tích mà Quyết định số 904/QĐ-UBND đã thu hồi vào năm 2007. Ông Ba không chứng minh được việc sử dụng đất là hợp pháp. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi của ông B là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn B làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chủ tịch UBND thành phố P tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện, UBND thành phố P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên những người này có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 3877/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND thành phố P được ban hành ngày 19/7/2023, có nội dung buộc ông B thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 5098/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND thành phố P được ban hành ngày 10/10/2023, có nội dung cưỡng chế buộc ông B thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sau đây viết tắt là Quyết định số 3877 và Quyết định 5098). Đây là các quyết định hành chính của UBND cấp huyện trong lĩnh

vực quản lý Nhà nước về đất đai. Các quyết định này đã được tổng đạt hợp lệ cho ông B. Ông B nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 16/10/2023. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông B và xét Quyết định số 3877, Quyết định số 5098, nhận thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3877 và Quyết định số 5098 là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại khoản 3 Điều 38, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[4.2] Đối với Quyết định số 3877:

Về nguồn gốc đất: Căn cứ vào Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của UBND tỉnh K có đủ căn cứ để xác định diện tích đất 921m² mà ông Ba bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là một phần trong tổng diện tích 10.544.620,56m² đất mà UBND tỉnh K đã thu hồi của 331 hộ gia đình, tổ chức trong khu vực, giao cho UBND huyện P dự án xây dựng Khu Du lịch - Dân cư B2 và Nam Bãi T1 từ năm 2007. Đây là đất công do UBND thành phố P quản lý. Ông Ba K1 xuất trình được chứng cứ chứng minh có quyền sử dụng đất hợp pháp hoặc các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Về hành vi vi phạm của ông B và Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC ngày 05/12/2022:

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 152/BB-VPHC thể hiện ông B đã có hành vi chiếm 921m² đất thuộc quản lý của UBND thành phố P để xây dựng nhà ở. Đây là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Biên bản số 152 cũng phù hợp với sự thừa nhận của ông B tại Biên bản làm việc ngày 23/9/2022 do UBND xã D “*nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng năm 2019 từ ông Đào Văn Q1...sau đó vào xây dựng nhà để ở...;việc xây dựng nhà không có xin phép cơ quan chuyên môn tôi sai và vi phạm pháp luật. Thời điểm tôi nhận chuyển nhượng đất tôi không biết đất do nhà nước quản lý*”. Do đó, Biên bản số 152 là hợp pháp, làm căn cứ cho việc xử phạt vi phạm hành chính. Các luận cứ mà ông H (người đại diện hợp pháp của ông B) đưa ra tại phiên toà phúc thẩm để cho rằng Biên bản số 152 không có giá trị pháp lý là không có căn cứ để chấp nhận.

Do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với ông B đã hết nên Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3877 buộc ông B thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Biện pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định số 3877, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả đất và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 9.279.844 đồng từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn) qua đất xây dựng nhà ở là phù hợp với khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[4.3] Đối với Quyết định số 5098: Như phần trên đã nhận định Quyết định số 3877 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do ông Ba K1 tự nguyện chấp hành quyết định này, nên Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5098 cưỡng chế thi hành đối với ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Ba K1 xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông B là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Ba phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 85, 87, 88 của Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B, về việc yêu cầu huỷ các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3877/QĐ-KPHQ ngày 19/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

- Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5098/QĐ-CCXP ngày 10/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn B phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 6450 ngày 17/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ông B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, THCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa